

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: /SCT-KTATMT
V/v tuyên truyền, phổ biến kiến
thức về phân loại chất thải rắn
sinh hoạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Yên Bái, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Thực hiện Văn bản số 1672/UBND-NNMT ngày 23/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Nhằm thực hiện tốt công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch đẹp. Sở Công Thương đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Các cơ sở sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại thực hiện một số nội dung sau:

1. Tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến một số nội dung, tài liệu về phân loại chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại nguồn đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người lao động, hội viên, hộ gia đình và cộng đồng dân cư bằng các hình thức như: Website cơ quan; Fanpage; Zalo; Facebook; tập huấn, hội thảo; phóng sự, tin bài; Yenbai-S...

(Có tài liệu tuyên truyền gửi kèm)

2. Đẩy mạnh việc duy trì, nhân rộng các mô hình, tổ tự quản,... về bảo vệ môi trường, trong đó có phân loại CTRSH tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Sở (phối hợp tuyên truyền);
- Lưu: VT, KTATMT_(Long LM).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Trung Lân

Tài liệu tuyên truyền về quản lý một số loại chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Văn bản số /SCT-KTATMT ngày tháng 4 năm 2025
của Sở Công Thương)

I. Một số khái niệm cơ bản về chất thải rắn và CTRSH

1. *Chất thải* là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

2. *Chất thải rắn* là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải.

3. *Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt)* là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

4. *Tái sử dụng chất thải* là việc sử dụng lại chất thải một cách trực tiếp hoặc sử dụng sau khi đã sơ chế. Sơ chế chất thải là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật cơ - lý đơn thuần nhằm thay đổi tính chất vật lý như kích thước, độ ẩm, nhiệt độ ... để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý nhằm phối trộn hoặc tách riêng các thành phần của chất thải cho phù hợp với các quy trình quản lý khác nhau.

5. *Tái chế chất thải* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải.

6. *Xử lý chất thải* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.

7. *Đồng xử lý chất thải* là việc kết hợp một quá trình sản xuất sẵn có để tái chế, xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải, trong đó chất thải được sử dụng làm nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu thay thế hoặc được xử lý.

8. *Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải* là cơ sở có hoạt động xử lý chất thải (bao gồm cả hoạt động tái chế, đồng xử lý chất thải) cho các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

9. *Tự xử lý chất thải* là hoạt động xử lý chất thải do chủ nguồn thải thực hiện trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải bằng các hạng mục, dây chuyền sản xuất hoặc công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

10. *Chủ nguồn thải* là tổ chức, cá nhân phát sinh ra chất thải.

11. *Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

12. *Phế liệu* là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm loại ra trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.

II. Một số quy định chung của pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Nguyên tắc bảo vệ môi trường (Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường)

Luật Bảo vệ môi trường đưa ra 07 nguyên tắc gồm:

a) Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm **của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân**.

b) Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

c) Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

d) Hoạt động bảo vệ môi trường phải **được tiến hành thường xuyên**, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

đ) Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

e) Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ **đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường**; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

g) Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

2. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường (Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường)

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

b) Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

c) Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

d) Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.

đ) Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.

e) Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

g) Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

h) Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

i) Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

k) Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.

l) Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường (Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường)

a) Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

c) Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật

chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

d) Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

đ)- Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

e) Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.

g) Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế.

h) Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

i) Che giấu, hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch, thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

k) Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

l) Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

m) Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

n) Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

o) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường (Điều 159 Luật Bảo vệ môi trường)

a) Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu chủ dự án đầu tư, cơ sở cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

b) Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với dự án đầu tư, cơ sở đó, trừ trường hợp các thông tin này thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thực hiện biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

d) Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

đ) Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp có trách nhiệm xây dựng hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường.

5. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường (Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường)

a) Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định.

b) Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư.

c) Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh.

d) Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

đ) Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư.

e) Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

g) Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

h) Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân ở đô thị theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xây dựng trong

đó bao gồm công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

6. Bảo vệ môi trường nơi công cộng (Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường)

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

III. Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân

1. Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường

“1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;*
- b) Chất thải thực phẩm;*
- c) Chất thải rắn sinh hoạt khác.*

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này vào các bao bì để chuyển giao như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;*
- b) Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.*

4. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện quản lý như sau:

- a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;*

b) *Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;*

c) *Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;*

d) *Chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.*

5. *Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 3 Điều này.*

6. *Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

7. *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở có trách nhiệm giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân”.*

2. Điều 26 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Điều c Khoản 1 Điều 26 quy định:

“Chất thải rắn sinh hoạt khác, bao gồm:

Chất thải công kênh: các vật dụng phục vụ sinh hoạt của con người do con người thải bỏ có kích thước lớn như giường, tủ, bàn, ghế, chăn, ga, đệm, khung tranh...; cây, dây leo và chất thải khác do phát quang, vệ sinh nơi ở của con người;

Chất thải nguy hại gồm: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; linh kiện, thiết bị điện tử hỏng (điều khiển, ti vi, tủ lạnh, lò vi sóng, bếp từ, máy nghe nhạc, máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, pin...); dung môi, hóa chất như dầu nhớt thải từ ô tô, xe máy; vỏ chai, lọ, bao bì đựng dầu nhớt, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt côn trùng, dung dịch tẩy rửa; hộp đựng sơn, mực in... đã qua sử dụng;

Chất thải còn lại hay chất thải vô cơ không có khả năng tái chế, tái sử dụng”.

3. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (một số nội dung quy định tại Điều 28 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND)

“1. Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng ngân sách Nhà nước thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không sử dụng ngân sách Nhà nước thì **cộng đồng dân cư** quyết định lựa chọn đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên cơ sở thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển. Đối với địa bàn chưa có đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển thì khuyến khích cộng đồng dân cư tự tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc nơi xử lý; kinh phí hoạt động thực hiện theo quy chế được cộng đồng dân cư bàn, thống nhất.

4. Căn cứ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại từng khu vực, đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển xác định và thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại về tần suất thu gom cho phù hợp; thông báo với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết để thống nhất thực hiện; tổ tự quản của cộng đồng dân cư thống nhất tần suất thu gom với cộng đồng để thực hiện.

5. Phương thức chuyển giao, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Hộ gia đình, cá nhân có thể chuyển giao trực tiếp hoặc tự vận chuyển rác của mình đến điểm tập kết hoặc để sẵn dụng cụ lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trước cửa nhà (đối với nơi có đường giao thông thuận lợi) chờ đơn vị dịch vụ đến thu gom, vận chuyển đi xử lý trong khoảng thời gian quy định;

b) Nghiêm cấm vứt rác thải sinh hoạt xuống hồ, ao, ngòi, suối, ruộng, rãnh, nơi công cộng... gây mất cảnh quan, ô nhiễm môi trường.

7. Túi đựng, bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về việc thực hiện các quy định về bao bì, túi, dụng cụ thân thiện môi trường chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương để thực hiện chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn về bao bì, túi, dụng cụ chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt trong địa bàn;

b) Trong thời gian chưa thực hiện quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong địa bàn lĩnh hoạt sử dụng các dụng cụ hiện có như xô, thùng, chậu, bao, túi... để chứa chất thải rắn sinh hoạt của mình, bảo đảm không để

vuơng vãi, rơi hoặc rò rỉ nước rác ra ngoài. Hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, khuyến khích sử dụng túi ni lông thân thiện môi trường để thay thế các túi ni lông khó phân hủy.

8. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh

a) Chủ phát sinh chất thải rắn công kênh có trách nhiệm xử lý như chia, cắt nhỏ, tháo rời, buộc gọn chất thải rắn công kênh của mình đến mức thuận lợi cho việc chứa đựng trong dụng cụ thu gom, vận chuyển của đơn vị dịch vụ trước khi đưa ra điểm tập kết hoặc chuyển giao cho đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển;

b) Đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh không được xử lý theo quy định tại điểm a khoản này. Người có chất thải công kênh bị từ chối thu gom, vận chuyển có trách nhiệm tự vận chuyển chất thải công kênh của mình đến nơi xử lý; nếu không thực hiện mà gây mất vệ sinh, mất mỹ quan nơi công cộng hoặc cản trở giao thông, ảnh hưởng đến người khác thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật”.

4. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Tại Khoản 2 Điều 78 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 đơn vị thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường (Công ty Cổ phần Môi trường và Năng lượng Nam Thành Yên Bái; Công ty Cổ phần Quản lý Chợ và Vệ sinh môi trường Yên Thế; 06 Ban quản lý các dự án của 06 địa phương; Đội vệ sinh môi trường đô thị huyện Văn Yên). Ngoài ra, còn có các tổ, đội tự quản về CTRSH, bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn tỉnh có 01 Nhà máy xử lý rác thải - Sản xuất Phân bón Hữu cơ Vi sinh (Công ty Cổ phần Môi trường và Năng lượng Nam Thành); 27 bãi chôn lấp (trong đó: 19 BCL đang hoạt động; còn lại là BCL đã đóng cửa, đang đóng cửa hoặc dừng tiếp nhận rác thải). Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, một số địa phương đã hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong việc tự xử lý CTRSH tại hộ gia đình với biện pháp phù hợp.

5. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

Hiện nay, việc thu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom,

vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái quy định giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái và Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái./.